|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO THANH HÓA  **TRƯỜNG THPT CHUYÊN LAM SƠN**  ĐỀ CHÍNH THỨC  *(Đề thi có 06 trang)* | **KÌ THI KSCL CÁC MÔN THI TỐT NGHIỆP THPT- LẦN 1**  **NĂM HỌC 2022 - 2023**  Môn thi: Địa lí  Ngày thi: 11/01/2023  *Thời gian làm bài 50 phút (không kể thời gian phát đề)* |

**Mã đề 206**

*Họ và tên thí sinh ……………………………... Số báo danh………………………*

**Câu 1.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết phát biểu nào sau đây đúng về chế độ nhiệt và mưa của Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh?

**A.** Biên độ nhiệt độ năm ở TP. Hồ Chí Minh cao hơn ở Hà Nội.

**B.** Thời gian có lượng mưa cao nhất ở Hà Nội là vào tháng XI.

**C.** Nhiệt độ trung bình năm ở Hà Nội thấp hơn ở TP. Hồ Chí Minh.

**D.** Lượng mưa cao nhất ở TP. Hồ Chí Minh là vào tháng VIII.

**Câu 2.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết thị trường nhập khẩu lớn nhất của nước ta hiện nay là các quốc gia nào sau đây?

**A.** Hoa Kì, Ôxtrâylia, Hàn Quốc, Ấn Độ.

**B.** Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Xingapo.

**C.** Hàn Quốc, Đài Loan, Ấn Độ, Hoa Kì.

**D.** Trung Quốc, Đài Loan, Ấn Độ, Thái Lan.

**Câu 3.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết trên đất liền nước ta tiếp giáp với những quốc gia nào sau đây?

**A.** Trung Quốc, Lào, Mianma. **B.** Trung Quốc, Lào, Campuchia.

**C.** Lào, Campuchia, Thái Lan. **D.** Trung Quốc, Thái Lan, Lào.

**Câu 4.** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho vấn đề nâng cao chất lượng cuộc sống ở nước ta còn gặp nhiều khó khăn?

**A.** Quy mô dân số đông, trình độ phát triển kinh tế chưa cao.

**B.** Trình độ lao động thấp, phân bố lao động chưa đồng đều.

**C.** Dân số tăng nhanh, chất lượng giáo dục còn nhiều hạn chế.

**D.** Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, năng suất lao động cao.

**Câu 5.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất công nghiệp từ trên 40 đến 120 nghìn tỉ đồng?

**A.** Cần Thơ. **B.** Đà Nẵng. **C.** Cà Mau. **D.** Biên Hòa.

**Câu 6.** Biện pháp mở rộng diện tích đất nông nghiệp ở nước ta là

**A.** khai khẩn đất hoang. **B.** bón phân thích hợp.

**C.** canh tác hợp lí. **D.** đa dạng cây trồng.

**Câu 7.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết các đô thị có quy mô dân số từ 200001 - 500000 người ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là đô thị nào sau đây?

**A.** Quy Nhơn, Nha Trang. **B.** Quy Nhơn, Tuy Hòa.

**C.** Đà Nẵng, Quy Nhơn.  **D.** Nha Trang, Vũng Tàu.

**Câu 8.** Cho bảng số liệu:

TỈ SUẤT SINH THÔ VÀ TỈ SUẤT TỬ THÔ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Cam-pu-chia** | **In-đô-nê-xi-a** | **Mi-an-ma** | **Ma-lai-xi-a** |
| Tỉ suất sinh thô (*‰)* | 22 | 18 | 18 | 16 |
| Tỉ suất tử thô (*‰)* | 6 | 7 | 8 | 5 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê 2021)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của các quốc gia năm 2020?

**A.** Mi-an-ma cao hơn In-đô-nê-xi-a. **B.** Ma-lai-xi-a thấp hơn Mi-an-ma.

**C.** Cam-pu-chia cao hơn In-đô-nê-xi-a. **D.** In-đô-nê-xi-a cao hơn Cam-pu-chia.

**Câu 9.** Cơ cấu dân số theo độ tuổi ở nước ta đang có sự biến đổi nhanh chóng do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Kết quả của chính sách dân số, đời sống ngày càng được nâng cao.

**B.** Tuổi thọ trung bình tăng, thành tựu trong y tế và xóa đói giảm nghèo.

**C.** Thành tựu trong văn hóa, giáo dục và y tế, tuổi thọ trung bình tăng.

**D.** Kinh tế phát triển, tâm lí xã hội và phong tục tập quán được duy trì.

**Câu 10.** Quá trình chính trong sự hình thành và biến đổi địa hình vùng ven biển nước ta là

**A.** xâm thực - thổi mòn. **B.** bồi tụ - xói mòn.

**C.** mài mòn - bồi tụ. **D.** xâm thực - bồi tụ.

**Câu 11.** Điểm khác biệt của địa hình vùng Đồng bằng sông Hồng so với vùng Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu do tác động của

**A.** biên độ sụt võng, khả năng bồi tụ phù sa, tác động của con người.

**B.** các quá trình ngoại lực, diện tích lưu vực sông, quá trình canh tác.

**C.** mật độ sông ngòi, lịch sử khai thác lãnh thổ và vận động nâng lên.

**D.** khả năng bồi tụ phù sa, cấu trúc địa chất, tác động của con người.

**Câu 12.** Tổng lượng phù sa hàng năm của sông ngòi nước ta rất lớn là do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Địa hình đồi núi già trẻ lại, có tính phân bậc rõ rệt giữa các khu vực.

**B.** Địa hình đồi núi bị cắt xẻ mạnh, sườn dốc lớn và xâm thực mạnh.

**C.** Địa hình nước ta có sự tương phản giữa đồng bằng và miền núi.

**D.** Lãnh thổ nước ta hẹp ngang, địa hình có nhiều hướng khác nhau.

**Câu 13.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết các loại cây công nghiệp lâu năm nào sau đây trồng nhiều ở Đông Nam Bộ?

**A.** Chè, cao su, điều, bông. **B.** Cao su, cà phê, điều, hồ tiêu.

**C.** Đậu tương, mía, lạc, chè. **D.** Cà phê, cao su, mía, bông.

**Câu 14.** Phần lãnh thổ phía Nam nước ta có nền nhiệt ẩm cao chủ yếu do tác động của các nhân tố nào sau đây?

**A.** Thời gian chiếu sáng dài, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương thổi đến và bão.

**B.** Vị trí gần xích đạo, lượng bức xạ lớn, gió hướng tây nam, dải hội tụ nhiệt đới.

**C.** Gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc, thời gian Mặt Trời qua thiên đỉnh, frông.

**D.** Vị trí nằm trong vùng nội chí tuyến, gió Tín phong bán cầu Bắc, gió Tây và bão.

**Câu 15.** Biển Đông có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

**B.** Phía đông và đông nam mở rộng ra đại dương.

**C.** Nằm ở rìa phía đông của Thái Bình Dương.

**D.** Là biển nhỏ trong các biển của Thái Bình Dương.

**Câu 16.** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu dẫn đến độ cao của đai nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc thấp hơn miền Nam?

**A.** Miền Bắc có địa hình cao hơn miền Nam.

**B.** Miền Bắc có nền nhiệt thấp hơn miền Nam.

**C.** Miền Bắc có địa hình thấp hơn miền Nam.

**D.** Miền Bắc có nền nhiệt cao hơn miền Nam.

**Câu 17.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết nhận xét nào sau đây đúng khi nói về khách du lịch và doanh thu từ du lịch nước ta giai đoạn 1995 - 2007?

**A.** Doanh thu từ ngành du lịch tăng liên tục.

**B.** Số lượt khách nội địa giảm qua các năm.

**C.** Số lượt khách quốc tế giảm qua các năm.

**D.** Khách nội địa số lượt ít hơn khách quốc tế.

**Câu 18.** Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng ven biển nước ta?

**A.** Lũ quét. **B.** Sóng thần. **C.** Cát bay. **D.** Động đất.

**Câu 19.** Cơ cấu lao động theo các ngành kinh tế của nước ta có sự thay đổi chủ yếu do

**A.** kinh tế chuyển sang thị trường, hiện đại hóa.

**B.** công nghiệp hoá, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**C.** chính sách hội nhập toàn cầu, liên kết kinh tế.

**D.** đô thị hóa, phát triển các hoạt động dịch vụ.

**Câu 20.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết trung tâm công nghiệp Huế có các ngành nào sau đây?

**A.** Chế biến nông sản, dệt, may, cơ khí.

**B.** Chế biến nông sản, đóng tàu, cơ khí.

**C.** Chế biến nông sản, vật liệu xây dựng, cơ khí.

**D.** Chế biến nông sản, chế biến gỗ, cơ khí.

**Câu 21.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây được xây dựng trên sông Krông Bơ Lan?

**A.** Vĩnh Sơn. **B.** Đa Nhim. **C.** Đrây Hling. **D.** Yaly.

**Câu 22.** Tình trạng thiếu việc làm ở khu vực nông thôn nước ta cao hơn khu vực thành thị do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Sản xuất nông nghiệp mang tính tự túc, tự cấp.

**B.** Sản xuất nông nghiệp mang tính mùa vụ cao.

**C.** Tình trạng di dân từ nông thôn ra thành thị.

**D.** Lao động có kĩ thuật cao chiếm tỉ lệ thấp.

**Câu 23.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết đỉnh núi nào sau đây có độ cao lớn nhất ở vùng núi Trường Sơn Nam?

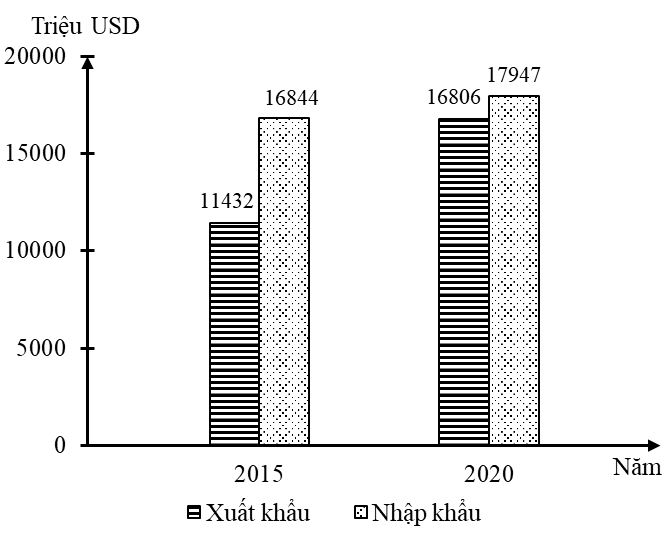
**A.** Lang Bian. **B.** Ngọc Krinh. **C.** Chư Yang Sin. **D.** Ngọc Linh.

**Câu 24.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây chịu ảnh hưởng nhiều nhất của gió Tây khô nóng?

**A.** Vùng khí hậu Đông Bắc Bộ. **B.** Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ.

**C.** Vùng khí hậu Nam Trung Bộ. **D.** Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ.

**Câu 25.** Cho biểu đồ:



GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA MI-AN-MA NĂM 2015 VÀ 2020

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê 2021)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về giá trị xuất, nhập khẩu của Mi-an-ma năm 2020 so với năm 2015?

**A.** Xuất khẩu tăng chậm hơn nhập khẩu. **B.** Xuất khẩu giảm, nhập khẩu tăng.

**C.** Xuất khẩu tăng, nhập khẩu tăng. **D.** Nhập khẩu tăng nhiều hơn xuất khẩu.

**Câu 26.** Ảnh hưởng của vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ đến sông ngòi nước ta là

**A.** sông ngắn, dốc, phần lớn có hướng tây bắc - đông nam.

**B.** phần lớn lưu vực nằm ngoài lãnh thổ, sông ngắn, dốc.

**C.** phần lớn sông nhỏ, nhiều nước, thủy chế theo mùa.

**D.** thủy chế theo mùa, diễn biến thất thường, độ dốc lớn.

**Câu 27.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp Kiên Lương và Rạch Giá thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Bạc Liêu. **B.** Kiên Giang. **C.** An Giang. **D.** Hậu Giang.

**Câu 28.** Nguyên nhân chủ yếu gây ngập lụt ở Trung Bộ nước ta là

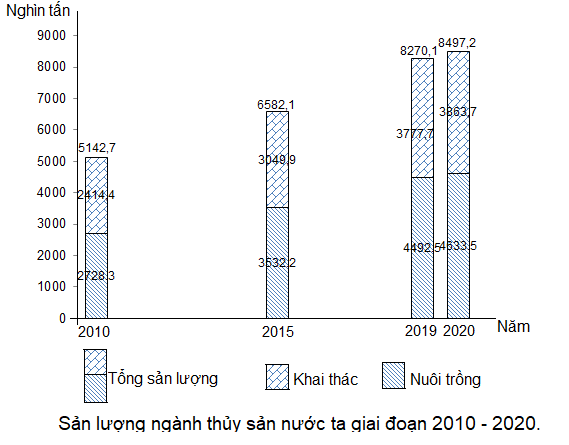
**A.** sông nhỏ, ngắn dốc, tập trung nước nhanh.

**B.** có nhiều đầm phá làm chậm việc thoát nước ra biển.

**C.** mưa bão lớn, nước biển dâng và lũ nguồn về.

**D.** mực nước biển dâng cao làm ngập vùng ven biển.

**Câu 29.** Cho biểu đồ về sản lượng ngành thủy sản nước ta giai đoạn 2010 - 2020.

****

*(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê 2021).*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Cơ cấu sản lượng ngành thủy sản nước ta.

**B.** Tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản nước ta.

**C.** Thay đổi cơ cấu sản lượng thủy sản nước ta.

**D.** Quy mô sản lượng ngành thủy sản nước ta.

**Câu 30.** Gió mùa Đông Bắc **không** xóa đi tính chất nhiệt đới của khí hậu và cảnh quan nước ta là do

**A.** nhiệt độ trung bình năm trên toàn quốc đều lớn hơn 200C.

**B.** gió mùa Đông Bắc chỉ hoạt động từng đợt ở miền Bắc.

**C.** nước ta chịu ảnh hưởng của gió mùa mùa hạ nóng ẩm.

**D.** lãnh thổ nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.

**Câu 31.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ảnh hưởng của Biển Đông đến thiên nhiên Việt Nam?

**A.** Ven biển có nhiều tam giác châu, bậc thềm phù sa cổ.

**B.** Khí hậu mang nhiều đặc tính hải dương, điều hòa hơn.

**C.** Rừng ngập mặn có diện tích khá lớn, bị thu hẹp nhiều.

**D.** Sinh vật giàu thành phần loài, năng suất sinh học cao.

**Câu 32.** Biên độ nhiệt nước ta giảm dần từ Bắc vào Nam chủ yếu do càng vào Nam

**A.** chênh lệch góc nhập xạ càng nhỏ, ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc giảm dần.

**B.** lượng nhiệt nhận được càng nhiều, gió Tín phong đông bắc hoạt động rất mạnh.

**C.** vị trí càng gần với xích đạo, nhiệt độ chênh lệch giữa các tháng trong năm lớn.

**D.** góc nhập xạ vào mùa hạ càng lớn, ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc càng giảm.

**Câu 33.** Ở độ cao 600-700m đến 1600-1700m, khí hậu mát mẻ, độ ẩm tăng cùng với đất feralit có mùn của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở nước ta đã tạo thuận lợi cho

**A.** hệ sinh thái rừng cận nhiệt đới lá rộng và lá kim phát triển.

**B.** các loài cây ôn đới, các loài chim di cư thuộc khu hệ Himalaya.

**C.** phát triển các loài ôn đới như đỗ quyên, lãnh sam, thiết sam.

**D.** hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh phát triển.

**Câu 34.** Hậu quả lớn nhất về mặt môi trường của vấn đề gia tăng dân số nhanh ở nước ta là

**A.** khai thác tài nguyên không hợp lí. **B.** gia tăng tình trạng ô nhiễm môi trường.

**C.** không đảm bảo sự phát triển bền vững. **D.** tài nguyên sinh vật ngày càng suy giảm.

**Câu 35.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết tháng đỉnh lũ của sông Hồng, sông Đà Rằng, sông Mê Công lần lượt vào những tháng nào sau đây?

**A.** Tháng 8, tháng 10, tháng 10.  **B.** Tháng 11, tháng 10, tháng 8.

**C.** Tháng 10, tháng 8, tháng 11.  **D.** Tháng 8, tháng 11, tháng 10.

**Câu 36.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết các nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất lớn nhất nước ta?

**A.** Phả Lại, Cà Mau, Trà Nóc. **B.** Phú Mỹ, Phả Lại, Ninh Bình.

**C.** Phú Mỹ, Phả Lại, Cà Mau. **D.** Phú Mỹ, Bà Rịa, Cà Mau.

**Câu 37.** Các thành phố, thị xã là các thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa lớn và đa dạng là do

**A.** mật độ dân số cao, thu hút nhiều vốn đầu tư.

**B.** dân cư tập trung đông, chất lượng sống cao.

**C.** cơ sở hạ tầng khá tốt, giao thương thuận lợi.

**D.** dịch vụ đa dạng, việc kinh doanh phát triển.

**Câu 38.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết trên các đảo và quần đảo nước ta có những vườn quốc gia nào sau đây?

**A.** Bái Tử Long, Cát Bà, Núi Chúa, Côn Đảo. **B.** Bái Tử Long, Cát Bà, Côn Đảo, Phú Quốc.

**C.** Bái Tử Long, Cát Bà, Xuân Thủy, Núi Chúa. **D.** Bái Tử Long, Cát Bà, Xuân Thủy, Côn Đảo.

**Câu 39.** Loại gió nào sau đây là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ nước ta?

**A.** Gió mùa Tây Nam. **B.** Gió phơn Tây Nam.

**C.** Gió mùa Đông Bắc. **D.** Tín phong bán cầu Bắc.

**Câu 40.** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY CỦA NƯỚC TA

GIAI ĐOẠN 2010 - 2020

*(Đơn vị: Nghìn ha)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2017** | **2020** |
| Cây hàng năm | 11214,3 | 11700,0 | 11498,1 | 10871,1 |
| Cây lâu năm | 2846,8 | 3245,3 | 3403,9 | 3616,3 |
| **Tổng số** | **14061,1** | **14945,3** | **14902,0** | **14487,4** |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê 2021)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu diện tích các loại cây trồng phân theo nhóm cây của nước ta giai đoạn 2010 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Tròn. **B.** Đường. **C.** Cột. **D.** Miền.

***------ HẾT ------***

*- Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành.*

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **C** | **6** | **A** | **11** | **A** | **16** | **B** | **21** | **D** | **26** | **C** | **31** | **A** | **36** | **C** |
| **2** | **B** | **7** | **A** | **12** | **B** | **17** | **A** | **22** | **B** | **27** | **B** | **32** | **A** | **37** | **B** |
| **3** | **B** | **8** | **C** | **13** | **B** | **18** | **C** | **23** | **D** | **28** | **C** | **33** | **A** | **38** | **B** |
| **4** | **A** | **9** | **A** | **14** | **B** | **19** | **B** | **24** | **B** | **29** | **D** | **34** | **C** | **39** | **D** |
| **5** | **D** | **10** | **C** | **15** | **A** | **20** | **A** | **25** | **C** | **30** | **B** | **35** | **D** | **40** | **D** |